



Liên kết Doanh nhân Việt

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

QUY TẮC XUẤT XỨ, CÔNG CỤ QUAN TRỌNG NHẪM THU LỢI TỐI ĐA TỪ GSP CỦA EU

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 4 năm 2014



NGUYỄN DIỄN – VCCI ĐÀ NẴNG



CÁC NỘI DUNG CHÍNH

I

Quy định chung về GSP của EU

II

Những điểm mới – cơ hội và thách thức

III

Các bước cần thiết nhằm tối ưu hóa ưu đãi

IV

Khó khăn và giải pháp

V

Những việc Doanh nghiệp cần thực hiện



PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Thâm nhập thị trường quốc tế qua

GSP

Generalized
System
of
Preferences

Chế độ ưu đãi
thuế quan
phổ cập

H À N Ò I - 2 0 0 4

XUẤT XỨ HÀNG HÓA

Xuất xứ hàng hóa là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi SX ra toàn bộ hàng hoá hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hoá trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình SX ra hàng hoá đó (*Khoản 1, Điều 3- NĐ 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/06*)

Mục đích của việc xác định xuất xứ hàng hóa

- ➡ Ưu đãi thuế
- ➡ Áp dụng thuế chống bán phá giá và trợ giá
- ➡ Thống kê thương mại và duy trì hệ thống hạn ngạch
- ➡ Xúc tiến thương mại

Cấp và ủy quyền cấp C/O tại VN

Bộ Công Thương cấp các loại C/O ưu đãi sau:

- **C/O mẫu D** cấp cho hàng XK sang các nước ASEAN
- **C/O mẫu E** cấp cho hàng XK sang Trung Quốc và các nước ASEAN
- **C/O mẫu S** cấp cho hàng XK sang Lào
- **C/O mẫu X** cấp cho hàng XK sang Căm-pu-chia
- **C/O mẫu AK** cấp cho hàng XK sang Hàn Quốc
- **C/O mẫu AJ** cấp cho hàng XK từ một nước thành viên ASEAN sang Nhật Bản.
- **C/O mẫu VJ** cấp cho hàng XK từ Việt Nam sang Nhật Bản
- **C/O mẫu AANZ** cấp cho hàng XK từ một nước thành viên ASEAN sang Úc và Newzealand
- **C/O mẫu AI** cấp cho hàng XK sang Ấn Độ

Cấp và ủy quyền cấp C/O tại VN (tt)

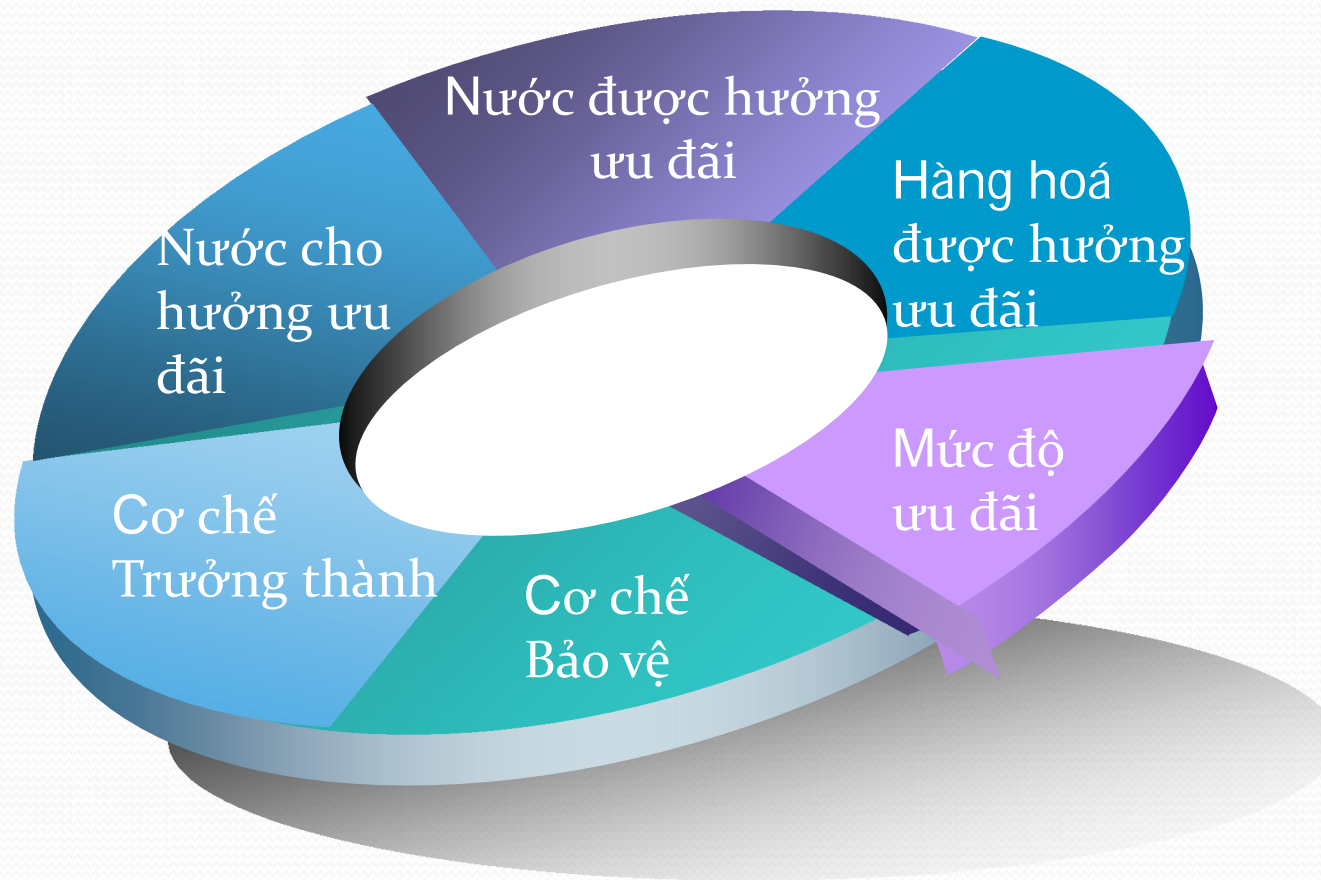
VCCI được Bộ Công thương ủy quyền cấp:

- **C/O mẫu A** cấp cho hàng Việt Nam XK sang các nước cho Việt Nam hưởng ưu đãi GSP, cấp theo quy định xuất xứ ưu đãi GSP của nước NK.
- **C/O mẫu B** cấp cho hàng XK sang tất cả các nước, cấp theo quy định xuất xứ không ưu đãi của Việt Nam.
- **C/O mẫu ICO** cấp cho mặt hàng cà phê xuất khẩu sang tất cả các nước. (C/O mẫu ICO luôn được cấp kèm với C/O mẫu A hoặc mẫu B hoặc các loại C/O khác ...)
- **C/O mẫu Venezuela** cấp cho hàng XK sang Venezuela theo yêu cầu của khách hàng (nếu có) và theo quy định xuất xứ không ưu đãi của Việt Nam.
- **C/O mẫu Peru** cấp cho hàng giày dép XK sang Peru theo yêu cầu của khách hàng (nếu có) và theo quy định xuất xứ không ưu đãi của Việt Nam.
- **C/O mẫu DA59** cấp cho hàng XK sang Nam Phi theo yêu cầu của khách hàng (nếu có) và theo quy định xuất xứ không ưu đãi của Việt Nam.
- **C/O mẫu TR** cấp cho hàng xuất khẩu sang Thổ Nhĩ Kỳ theo yêu cầu của khách hàng (nếu có) và theo quy định xuất xứ không ưu đãi của Việt Nam
- Ngoài ra, Bộ Công thương còn ủy quyền cho một số Ban quản lý KCN-CX, KCN được cấp một số form cho các DN XK nằm trong KCN-CX, KCN

Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) là gì?

- Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (Generalized System of Preferences – GSP) là một hệ thống mà theo đó các nước phát triển cho các nước đang/kém phát triển hưởng chế độ ưu đãi bằng cách giảm hoặc miễn thuế. Chế độ ưu đãi được xây dựng trên cơ sở không đòi hỏi bất kỳ nghĩa vụ nào từ phía các nước đang/kém phát triển.

các nội dung chính của GSP



I. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUY TẮC XUẤT XỨ GSP CỦA EU:

Để được hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập GSP của EU, có 3 điều kiện sau phải được đáp ứng:

1

Hàng hóa phải đáp ứng đầy đủ các quy tắc xuất xứ ưu đãi GSP của EU;

2

Hàng hóa phải được vận chuyển thẳng từ nước thụ hưởng đến EU; và

3

Cung cấp bằng chứng về xuất xứ hàng hóa phù hợp của quốc gia thụ hưởng

CÁC HÌNH THỨC XUẤT XỨ

1

- Xuất xứ thuần túy (Toàn bộ)

2

- Xuất xứ không thuần túy

3

- Những công đoạn gia công chế biến đơn giản

1.2.2 Công đoạn chế biến đầy đủ (Điều 76):

Sản phẩm không có xuất xứ thuần túy tại nước thụ hưởng theo Điều 75 được xem là có xuất xứ, với điều kiện sản phẩm đó phải đáp ứng đầy đủ quy định tại Annex 13a.

Trích dẫn Annex 13a

LIST OF PRODUCTS AND WORKING OR PROCESSING OPERATIONS WHICH CONFER ORIGINATING STATUS

Harmonized System heading	Description of product	Qualifying operation (Working or processing, carried out on non-originating materials, which confers originating status)
(1)	(2)	(3)
Chapter 1	Live animals	All the animals of Chapter 1 are wholly obtained
Chapter 2	Meat and edible meat offal	Manufacture in which all the meat and edible meat offal in the products of this chapter is wholly obtained
ex Chapter 3	Fish and crustaceans, molluscs and other aquatic invertebrates, except for:	All fish and crustaceans, molluscs and other aquatic invertebrates are wholly obtained

Sản phẩm có xuất xứ không thuần túy được sản xuất hay chế biến đầy đủ tại quốc gia thụ hưởng với điều kiện sản phẩm đó đáp ứng 1 hoặc nhiều hơn trong 3 tiêu chí được quy định cụ thể sau:

①

Tiêu chí
“Chuyển
đổi mã số
hàng hóa”

②

Tiêu chí
“Trị giá
hoặc theo
giá trị”

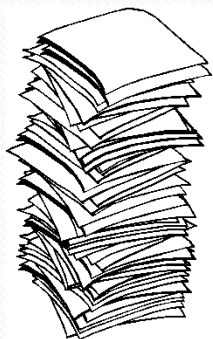
③

Tiêu chí
“Công đoạn
chế biến cụ
thể”

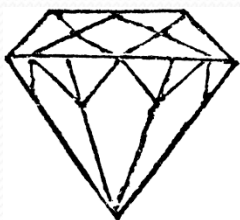
Các tiêu chí trên được hiểu như thế nào?

① Tiêu chí “Thay đổi mã số hàng hóa” có nghĩa là hàng hóa được coi là sản xuất hoặc chế biến đầy đủ khi hàng hóa đó được phân loại ở cấp 4 số (Danh mục HS) khác với HS của các nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng trong sản xuất hoặc chế biến ra sản phẩm.

Ti^au chuÈn thay [®]æi HS



Giấy (HS 4802)



Rubby (HS 7102)



Vàng (HS 7108)

Quá trình sản xuất



Book (HS 4901)



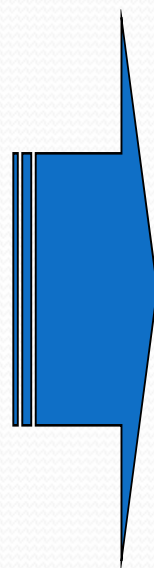
®ả trang sọc
(HS 7113)

TIÊU CHUẨN THAY ĐỔI MÃ HS

Quá trình sản xuất



Gỗ tròn (HS 4403)



Bàn ghế (HS 9403)

- ② Tiêu chí “Trị giá hoặc theo giá trị” có nghĩa là trị giá nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm không vượt quá số phần trăm được quy định so với giá xuất xưởng của sản phẩm.

Công thức áp dụng đối với tiêu chí “Trị giá hoặc theo giá trị”:

Trị giá nguyên vật liệu không có xuất xứ

Giá xuất xưởng

$\times 100\% \leq X\%$

Làm thế nào để tận dụng quy định về cộng gộp?

1. Cộng gộp song phương (Điều 84)

Nguyên vật liệu có xuất xứ tại EU (Na Uy, Thụy Sĩ, hoặc Thổ Nhĩ Kỳ) được coi là hàm lượng của “quốc gia cho hưởng” theo quy định xuất xứ GSP của EU sẽ được sản xuất tiếp theo tại nước thụ hưởng sẽ được coi là có xuất xứ tại nước thụ hưởng.

Quy định này cũng được áp dụng đối với các nguyên vật liệu có xuất xứ tại Na Uy, Thụy Sĩ, hoặc Thổ Nhĩ Kỳ.

Cộng gộp song phương

- Vd: Đồ chơi tàu điện (9503)
- Mã HS 9503 được quy định :”Được SX từ nguyên liệu bất kỳ, ngoại trừ mã HS của sản phẩm” hoặc “trị giá nguyên vật liệu không có xuất xứ không vượt quá 70% giá xuất xưởng của sản phẩm”:



Biên áp TQ (8504)	: 25%
Đầu máy, xe, chi tiết khác (EUR1) (9503)	: 60%
Lao động, lợi nhuận	: <u>15%</u>
Giá xuất xưởng	: 100%

Sản phẩm trên đáp ứng quy định xuất xứ ưu đãi GSP của EU

③ Tiêu chí “Công đoạn chế biến cụ thể” là các công đoạn chế biến được quy định cụ thể đối với các nguyên vật liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm.



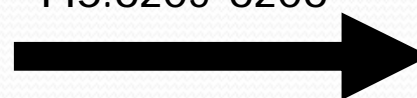
HS:5205-5207



HS:5208-5212



HS:6205-6206



II/ NHỮNG ĐIỂM MỚI – CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC:

1. Những điểm mới:

1.1. Các nhóm nước được hưởng GSP:

- Standard GSP (GSP chuẩn): 40 nước (VN, Thailand, Philipines, China,...)
- GSP+: Thỏa thuận ưu đãi đặc biệt cho sự phát triển bền vững và quản trị tốt
- EBA (tất cả trừ vũ khí) 49 nước kém phát triển theo quy chế EBA (Lào, Myanmar, Cambodia ...)

II. NHỮNG ĐIỂM MỚI – CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC:

1. Những điểm mới:

1.2. Nước trưởng thành (phụ lục 4):

Là nước có thu nhập cao hoặc trên trung bình theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập GSP mới của EU từ 1/1/2014:

- 8 nước có thu nhập cao: Saudi Arabia, Kuwait, Bahrain, Quata, United Arab Emirates, Oman, Brunei Darussalam.**
- 12 nước có thu nhập trên trung bình: Argentina, Brazil, Cuba, Venezuela, Belarus, Russia, Kazakhstan, Gabon, Liberia, Malaysia, và Palau.**

1.3. Danh mục hàng hóa trưởng thành (phụ lục 7):

Danh mục trưởng thành được quy định nâng từ mức 15% lên 17,5% (Đối với dệt may được nâng từ 12,5% lên 14,5%).

Danh mục sản phẩm trưởng thành không được hưởng ưu đãi từ 2014: (không áp dụng cho GSP+) (*Không có Việt Nam*)

Nước	Mục GSP	Mô tả
Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	S-1a	Động vật sống và các sản phẩm từ động vật ngoại trừ cá
	S-1b	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác
	S-2b	Rau và quả
	S-2c	Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị
	S-2d	Ngũ cốc, bột, quả hạch, nhựa cây và thực vật dùng để tét bện
	S-4b	Thực phẩm chế biến (ngoại trừ thịt và cá), đồ uống, rượu và giấm

2. Cơ hội và thách thức:

2.1. Cơ hội:

- Mặt hàng giấy dép và ô dù của Việt Nam bị loại ra khỏi danh sách các sản phẩm trưởng thành \Rightarrow Được hưởng ưu đãi \Rightarrow Tăng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này vào thị trường EU;
- Các mặt hàng từ các nước (phụ lục 4) và các mặt hàng trưởng thành từ các nước (phụ lục 7) không được hưởng ưu đãi sẽ tạo cơ hội cho hàng hóa của VN xuất khẩu vào EU;
- Thu hút đầu tư nước ngoài vào VN để tận dụng ưu đãi GSP mới của EU.
- Tăng năng lực cạnh tranh, NLSX; Tăng việc làm và thu nhập cho người lao động

2.2. Thách thức:

- Các mặt hàng có thể vượt ngưỡng trưởng thành: chè, cà phê (12,11%); thủy sản (9,89%); sản phẩm nhựa (5,72%); may mặc (7,46%); ...
- Nguy cơ gian lận thương mại: Chuyển tải bất hợp pháp \Rightarrow có nguy cơ bị điều tra chống bán phá.
- Cơ chế tự bảo vệ của hệ thống GSP
- Khả năng đáp ứng tiêu chuẩn xuất xứ của các DN Việt Nam

III/ 7 BƯỚC CẦN THIẾT NHẪM TỐI ƯU HÓA ƯU ĐÃI:

Bước 1: Kiểm tra xem sản phẩm có xuất xứ thuần túy (xuất xứ toàn bộ) theo quy định hay không. Nếu không, chuyển sang bước 2;



Bước 2: Xác định chính xác mã số HS của sản phẩm xuất khẩu (4 hoặc 6 số H.S đầu là cơ sở để xác định xuất xứ hàng hóa theo quy định);



Bước 3: Xác định nước nhập khẩu hàng hóa đó có FTA với Việt Nam/ASEAN và/hoặc cho Việt Nam hưởng ưu đãi thuế quan GSP hay không. Nếu có, chuyển sang bước 4;

III. 7 BƯỚC CẦN THIẾT NHẪM TỐI ƯU HÓA ƯU ĐÃI (tt):

Bước 4: Kiểm tra xem sản phẩm xuất khẩu có thuộc danh mục các công đoạn chế biến đơn giản (không đầy đủ) hay không theo quy định phù hợp. Nếu có, sản phẩm đó sẽ không có xuất xứ theo quy định. Nếu không, chuyển tiếp sang bước 5;



Bước 5: So sánh thuế suất để chọn mẫu C/O (nếu có) để đề nghị cấp nhằm đảm bảo hàng hóa xuất khẩu được hưởng mức ưu đãi thuế nhập khẩu thấp nhất;

III. 7 BƯỚC CẦN THIẾT NHẪM TỐI ƯU HÓA ƯU ĐÃI (tt):

Bước 6: Kiểm tra xem sản phẩm có đáp ứng quy định xuất xứ phù hợp hay không.

VD: EU – Annex 13, Turkey – Annex II, Japan – Annex 5, ATIGA (ASEAN Trade in Goods Agreement) – Annex 3, ...



Bước 7: Luôn lưu ý các điều khoản đặc biệt để áp dụng:

- ☞ Quy định vi phạm cho phép đối với các nguyên vật liệu hoặc bộ phận không có xuất xứ;
- ☞ Quy định cộng gộp song phương;
- ☞ Quy định cộng gộp khu vực;
- ☞ Quy định cộng gộp và/hoặc các quy định liên quan khác.

IV/ KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP

Thực trạng cấp C/O tại miền Trung (tt)

Một vài số liệu về tình hình cấp C/O tại miền Trung:

Các quốc gia đang cho Việt Nam hưởng chế độ ưu đãi GSP: EU, Australia, Belarus, Canada, Japan, New Zealand, Norway, Russia, Switzerland, Turkey

Số lượng DN đang đề nghị cấp C/O tại VCCI Đà Nẵng: 417

Thực trạng cấp C/O tại miền Trung (tt)

	ĐVT	Năm 2012	8 tháng đầu năm 2013
Số C/O đã cấp	Bộ	14.201	10.221
Trong đó: Form A	Bộ	6.922	5.090
Tỷ lệ % trên tổng số	%	49	50
Form A cấp cho DN FDI	Bộ	708	828
Tỷ lệ % trên tổng số form A	%	10	14
Giá trị kim ngạch XK	USD	331.228.438	214.036.914
Trong đó: Giá trị XK của DN FDI	USD	26.217.546	29.449.637
Tỷ lệ % FDI/Tổng số	%	8	04

Thực trạng cấp C/O tại miền Trung (tt)

Mặt hàng XK đang đề nghị cấp C/O form A

Mặt hàng xuất khẩu	Năm 2012 (USD)	8 tháng đầu năm 2013 (USD)
Dệt may	27.101.578	22.199.794
Thủy sản	46.920.822	33.477.006
Nông sản	3.436.365	311.751
Khoáng sản	40.724.054	16.430.346
Sản phẩm gỗ	168.647.720	97.967.732
Giày dép	87.290	931.849
Hàng TCMN	1.250.694	984.411
Đồ chơi trẻ em	7.190.408	7.792.664
Rượu Shochu	458.650	408.490
Cần câu cá	4.892.585	2.664.383
Phanh ô tô	3.818.464	5.911.969
Sản phẩm đá granite, basalt	18.961.089	14.300.792
Sản phẩm khác	7.738.719	10.655.727

Thực trạng cấp C/O tại miền Trung (tt)

Một vài nhận định:

- Các số liệu cho thấy hình như các DN Việt Nam đã tận dụng cơ hội được hưởng GSP rất tốt (so với số form còn lại) và tốt hơn so với các DN FDI.
- Tuy nhiên thực tế lại không phải như vậy. Hầu hết các DN Việt Nam không xuất phát từ GSP để chọn ra sản phẩm và thị trường mà việc chọn sản phẩm là do những yếu tố khác như địa phương có sản phẩm đó (Thủy sản, nông sản, khoáng sản) nguồn nguyên liệu (Mây tre, gỗ, đá), nhân công... Còn thị trường thì thường do các Công ty nhập khẩu chỉ định hoặc do DN tự tìm thông qua quan hệ... Các Công ty nhập khẩu này (có thể là mua hoặc giao gia công) đã cố tình chọn các DN Việt Nam để xuất hàng sang các nước cho Việt Nam hưởng GSP mà không đặt mua hoặc gia công tại những nước không được hưởng GSP.
- Còn đối với các DN FDI rất có thể khi chọn Việt Nam để đầu tư sản xuất hàng XK, bên cạnh những yếu tố về giá nhân công, ưu đãi về thuê đất... họ cũng nhắm đến những thị trường cho VN được hưởng GSP để được hưởng thuế nhập khẩu thấp.

KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP

V/ NHỮNG VIỆC DOANH NGHIỆP CẦN THỰC HIỆN

- Phải nắm vững các quy định về GSP của từng nước (quy tắc xuất xứ, chế độ trưởng thành, điều kiện về cạnh tranh, quy định về vận chuyển) để tránh những vướng mắc (thậm chí thiệt hại) khi xuất khẩu theo chế độ này.
- Không ngừng nâng cao chất lượng hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm, giảm chi phí, hạ giá thành nhằm tăng cường sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam
- Mở rộng, đa dạng hóa hơn nữa thị trường xuất khẩu, tránh tập trung xuất khẩu vào một thị trường.
- Tránh tâm lý ỷ lại GSP (GSP chỉ là yếu tố “ngoại sinh”)

V/ NHỮNG VIỆC DOANH NGHIỆP CẦN THỰC HIỆN (tt)

- GSP sẽ tự động chấm dứt khi VN-EU FTA đã ký kết và có hiệu lực thực thi
- Các hiệp hội ngành hàng, nhất là những ngành có tỷ trọng xuất khẩu cao, có khả năng bị coi là “trưởng thành” không được ưu đãi nữa, cần sớm thông tin, tuyên truyền để các DN thành viên của hiệp hội nhận thức rõ những khó khăn sẽ phải vượt qua, cùng các DN thành viên thảo luận, đề xuất, áp dụng những biện pháp cần thiết đem lại hiệu quả cao nhất cho từng DN và cho cả ngành hàng.
- Cùng với việc tranh thủ tận dụng GSP, cần đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng để nâng cao sức cạnh tranh. Đây mới chính là con đường cơ bản nhất để tăng năng lực XK bền vững.

Thủ tục và quy trình cấp C/O form A

Lập và nộp 01 Bộ Hồ sơ thương nhân cho Tổ cấp C/O đối với thương nhân đề nghị cấp C/O lần đầu. Hồ sơ thương nhân bao gồm:

Thông tin của thương nhân (*theo Mẫu do VCCI cung cấp*)

Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký hồ sơ đề nghị cấp C/O và con dấu của thương nhân (*Phụ lục 1, TT 07/2016/TT-BTM ngày 17/4/2016*)

Danh sách các cơ sở sản xuất của thương nhân (*Phụ lục 2, TT 07/2016/TT-BTM ngày 17/4/2016*)

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/DN hoặc Giấy chứng nhận đầu tư

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế (*nếu có*)

Thủ tục và quy trình cấp C/O form A (tt)

**Bộ hồ
sơ đề
nghị
cấp
C/O
form
A bao
gồm:**

Đơn đề nghị cấp C/O (*Phụ lục 3, TT 07/2016/TT-BTM
ngày 17/4/2016*)

Invoice

Bản sao Tờ khai HQ xuất khẩu đã được làm thủ tục
hải quan

Định mức hải quan (đối với hàng xuất khẩu thuộc
loại hình SXK, XGC...)

Chứng từ chứng minh nguồn gốc hàng

Các chứng từ khác như Giấy kiểm định số lượng
của Vinacontrol, Giấy phép khai thác...(nếu cần)

Các form C/O đã được khai đầy đủ, đúng qui định
(01 bản gốc và tối thiểu 03 bản copy)

Thủ tục và quy trình cấp C/O form A (tt)

Thời gian cấp:

- Tại điểm a và b, khoản 4, Mục II- Thủ tục cấp C/O của Thông tư 07/2016/TT-BTM ngày 17/4/2016 qui định thời gian cấp C/O không vượt quá ba (03) ngày làm việc kể từ thời điểm người đề nghị cấp C/O nộp bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Trong trường hợp cần thiết phải tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất thì thời gian không quá năm (5) ngày làm việc kể từ ngày người đề nghị cấp C/O nộp bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.
- Tuy nhiên, trên thực tế, VCCI Đà Nẵng cấp trong vòng 04 giờ làm việc, trong trường hợp cần thiết có thể lấy ngay.

Địa chỉ cần liên hệ

Bộ phận cấp C/O,

Chi nhánh PTM và CN VN tại Đà Nẵng

- ☞ Địa chỉ : 256 Trần Phú- TP Đà Nẵng
- ☞ Điện thoại : 0511 821719
- ☞ Fax : 0511 3822930
- ☞ Website : www.covcci.com.vn
- ☞ Người liên hệ :
 - ❖ Nguyễn Thị Hồng Ngọc (DĐ: 0905006159)
Email: ngocnth-dn@vcci.com.vn
 - ❖ Đặng Quốc Thương (DĐ: 0914038920)
Email: thuongdq-dn@vcci.com.vn

*Chân
thành
cảm
ơn !*

